

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 202/2024/DS-PT
Ngày: 27-12-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc Bình
Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 507/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 264/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2024, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 720/TB-TA ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Chí C, sinh năm: 1978, bà Đỗ Hoàng Thảo T, sinh năm: 1984; cư trú tại số I, đường H, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; ông C có mặt, bà T vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Chí C, sinh năm: 1978; cư trú tại số I, đường H, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01191, quyền số 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 16/12/2024); có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Bá H, sinh năm: 1976, bà Lê Thị H1, sinh năm: 1981; cư trú tại số E, đường Đ, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; ông

H vắng mặt, bà H1 có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Chị Nguyễn Khánh H2, sinh năm: 2004; cư trú tại số E, đường Đ, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 5088, quyền số 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2 chứng nhận ngày 26/12/2024); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị H1 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/4/2024, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của vợ chồng ông Nguyễn Chí C, bà Đỗ Hoàng Thảo T thì: Do có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Bá H nên vào ngày 27/9/2023 vợ chồng ông, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Bá H, bà Lê Thị H1 vay số tiền 400.000.000đ, lãi suất hai bên tự thỏa thuận; thời hạn vay từ ngày 27/9/2023 đến hết ngày 26/10/2023. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông H, bà H1 không trả tiền cho vợ chồng ông, bà dù đã đòi nhiều lần.

Do đó, nay vợ chồng ông, bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà H1 phải trả cho vợ chồng ông, bà số tiền vay gốc 400.000.000đ, không yêu cầu trả tiền lãi.

- Theo lời trình bày của bà Lê Thị H1, bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá H thì: Do ông H (chồng của bà) có quen biết với ông Nguyễn Chí C nên vào năm 2022 vợ chồng bà có vay tiền của vợ chồng ông C, bà T 02 lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: vào đầu năm 2022 vay 2.500.000.000đ để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lãi suất thỏa thuận là 1.000đ/1.000.000đ/01 ngày;

+ Lần thứ hai: vào khoảng giữa năm 2022 vay 1.200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1.500đ/1.000.000đ/01 ngày.

Ông C đã chuyển khoản cho vợ chồng bà các khoản tiền nói trên vào tài khoản của bà. Vợ chồng bà đã thế chấp cho vợ chồng ông C 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin; việc đưa cho vợ chồng ông C, bà T giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có làm hợp đồng công chứng bằng hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nếu vợ chồng bà trả hết khoản nợ gốc và tiền lãi thì vợ chồng ông C, bà T sẽ huỷ hợp đồng chuyển nhượng và trả lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu không trả được tiền thì phải chuyển nhượng 02 quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

Đối với khoản tiền vay 2.500.000.000đ thì vợ chồng bà đã trả đầy đủ cả tiền gốc và tiền lãi cho nguyên đơn, nay hai bên không còn tranh chấp khoản tiền này nữa.

Đối với khoản tiền vay 1.200.000.000đ thì vợ chồng bà đã chuyển khoản trả một lần cho bà T được 1.180.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại 20.000.000đ tiền gốc; đối với tiền lãi thì vợ chồng bà đã nhiều lần trả cho vợ chồng ông C, bà T được hơn 200.000.000đ bằng chuyển khoản (không nhớ cụ thể thời gian chuyển khoản) qua ngân hàng vào tài khoản ông C. Nay vợ chồng bà chỉ còn nợ vợ chồng ông C, bà T 20.000.000đ nợ gốc.

Đối với khoản tiền 400.000.000đ trong hợp đồng vay tiền ngày 27/9/2023 thì vợ chồng bà hoàn toàn không vay số tiền này. Trong số tiền này chỉ có số tiền vay gốc còn nợ lại 20.000.000đ của khoản vay 1.200.000.000đ; ông C tính thêm tiền lãi cộng vào mới thành 400.000.000đ; cụ thể:

Vào ngày 27/9/2023 vợ chồng bà có đến Văn phòng C3 gặp vợ chồng ông C, bà T để trả số tiền vay gốc 1.180.000.000đ của khoản tiền vay 1.200.000.000đ nói trên và hai bên thống nhất huỷ hợp đồng chuyển nhượng đối với 02 quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông C, và T đã thoả thuận trước đó. Cùng ngày 27/9/2023 vợ chồng bà đã chuyển vào tài khoản của bà T số tiền vay gốc 1.180.000.000đ nên chỉ còn nợ lại 20.000.000đ tiền vay gốc. Lúc này do vợ chồng bà không để ý kỹ nên vợ chồng ông C, bà T đã lòng ghép hợp đồng vay số tiền 400.000.000đ vào chung với hợp đồng huỷ công chứng chuyển nhượng 02 quyền sử dụng đất nên vợ chồng bà đã ký vào mà không hề biết. Chữ viết: “Chúng tôi đã đọc và đồng ý” là chữ viết của bà.

Nay vợ chồng bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vợ chồng bà chỉ đồng ý trả lại số tiền vay gốc còn nợ là 20.000.000đ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 38/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024; Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí C, bà Đỗ Hoàng Thảo T về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Bá H và bà Lê Thị H1.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Bá H và bà Lê Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Chí C và bà Đỗ Hoàng Thảo T 400.000.000đ tiền vay gốc.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/10/2024 bà Lê Thị H1 kháng cáo đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Bà Lê Thị H1 vẫn giữ nguyên kháng cáo và đồng ý trả cho vợ chồng ông C, bà T 200.000.000đ, chị H2 cũng thống nhất với ý kiến của bà H1.

Ông Nguyễn Chí C, không đồng ý với kháng cáo của bà H1, đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà H1, ghi nhận sự tự nguyện của bà H1 về việc đồng ý trả cho vợ chồng ông C, bà T số tiền 200.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Lê Thị H1 được thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 và 277 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị H1 thì thấy rằng:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng từ đầu năm 2022 có cho vợ chồng ông H, bà H1 vay số tiền 2.500.000.000đ, số tiền này giữa các bên đã tất toán xong cả tiền gốc và tiền lãi không có tranh chấp gì. Sau đó đến giữa năm 2022 thì vợ chồng ông H, bà H1 tiếp tục vay số tiền 1.200.000.000đ. Đối với khoản vay này thì bị đơn đã trả được 1.180.000.000đ, còn 20.000.000đ tiền gốc. Đến ngày 27/9/2023 thì vợ chồng ông H, bà H1 tiếp tục vay thêm 380.000.000đ nên hai bên thống nhất ký giấy vay nợ mới thể hiện số tiền vay là 400.000.000đ.

Vợ chồng ông H, bà H1 cho rằng vợ chồng ông, bà không vay số tiền này mà đây là số tiền nợ gốc của 20.000.000đ của khoản vay 1.200.000.000đ chưa trả cộng với số tiền lãi 380.000.000đ, do vợ chồng ông, bà vội công việc nên không đọc kỹ mà ký vào hợp đồng.

[2.2] Xét thấy: đối với “Hợp đồng vay tiền” ngày 27/9/2023 thì vợ chồng ông H, bà H1 thừa nhận chữ ký, chữ viết của bên vay trong hợp đồng là chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông, bà. Tuy nhiên, tại Điều 5 của Hợp đồng vay tiền ngày 27/9/2023 thể hiện phương thức giao tiền là “Bằng tiền mặt, bên A (bên cho vay) giao trực tiếp cho bên B (bên vay) ngoài sự chứng kiến của công chứng viên”. Tại phiên tòa hôm nay, ông C thừa nhận trong số tiền 400.000.000đ thì có 20.000.000đ là tiền gốc của số nợ 1.200.000.000đ; 380.000.000đ là tiền vay thêm nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh được việc giao tiền số tiền nói trên cho vợ chồng ông H, bà H1 vào ngày 27/9/2023 là có xảy ra trên thực tế và bà H1 cũng không thừa nhận nên không có căn cứ để xem xét.

Hơn nữa, các bên thừa nhận quá trình vay tiền trước đây thì đều thực hiện việc chuyển tiền cho nhau bằng phương thức “chuyển khoản”. Trong đó, đối với số

tiền 1.180.000.000đ mà vợ chồng ông H, bà H1 đã trả cho vợ chồng ông C, bà T cũng thực hiện bằng phương thức chuyển khoản cho bà T vào ngày 27/9/2023; việc vợ chồng ông C, bà T cho rằng đã giao số tiền 400.000.000đ bằng tiền mặt cho vợ chồng ông H, bà H1 trong cùng ngày mà bị đơn đã chuyển khoản trả nợ cho nguyên đơn là không có căn cứ để xem xét.

[2.3] Tại phiên tòa hôm nay, bà H1 tự nguyện cùng ông H trả cho vợ chồng ông C, bà T số tiền 200.000.000đ, xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[2.4] Đối với tiền lãi suất của khoản vay 1.200.000.000đ; bị đơn không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà H1 để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà H1 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị H1, sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Chí C, bà Đỗ Hoàng Thảo T về việc “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản” với vợ chồng ông Nguyễn Bá H, bà Lê Thị H1.

Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Nguyễn Bá H, bà Lê Thị H1 về việc trả cho vợ chồng ông Nguyễn Chí C, bà Đỗ Hoàng Thảo T số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự:

+ Vợ chồng ông Nguyễn Chí C, bà Đỗ Hoàng Thảo T phải chịu 10.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 10.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006426 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông C, bà T đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

+ Vợ chồng ông Nguyễn Bá H, bà Lê Thị H1 phải chịu 10.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006027 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; vợ chồng ông H, bà H1 còn phải nộp 9.700.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị H1 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND thành phố Bảo Lộc (01);
- Chi cục THADS thành phố Bảo Lộc (01);
- Đường sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch